

# HOÀN THIỆN THỂ CHẾ THỨC ĐẨY ĐỔI MỚI SÁNG TẠO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

LÊ THỊ THU MAI<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Xây dựng và hoàn thiện thể chế được Đảng, Nhà nước ta xác định là một trong ba khâu đột phá chiến lược. Xây dựng môi trường thể chế sẽ tạo thuận lợi và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã nêu rõ đất nước ta phải “phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và công nghệ số”. Sự kết hợp giữa công nghệ, thể chế và con người góp phần phát triển nhanh và bền vững đất nước, đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập.

**Từ khoá:** Thể chế; đổi mới sáng tạo.

**Abstract:** Building and perfecting institutions is one of the three strategic breakthroughs recognized by our Party and State. Building an institutional environment can facilitate and promote innovation. The Resolution of the 13th National Party Congress clearly stated that our country must “develop rapidly and sustainably based mainly on science - technology, innovation and digital technology”. The combination of technology, institutions, and people contribute to the rapid and sustainable development of the country, meeting the requirements of innovation and integration.

**Keywords:** Institutions; innovation.

Ngày nhận bài: 18/12/2023; Ngày sửa bài: 12/01/2024; Ngày duyệt đăng bài: 27/02/2024.

## Đặt vấn đề

Đổi mới sáng tạo hàm ý hướng tới sự phát triển tiến bộ, thúc đẩy năng lực cạnh tranh, thay đổi phương thức sản xuất, cách làm việc và đời sống xã hội. Đổi mới sáng tạo tác động toàn diện đối với thể chế, trong đó đặc biệt hệ thống pháp luật. Xây dựng và hoàn thiện thể chế thúc đẩy đổi mới sáng tạo góp phần mang đến một xã hội dân chủ và bình đẳng hơn, giúp đẩy nhanh xây dựng mô hình nhà nước kiến tạo phát triển và nền hành chính công hiệu quả, phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Nằm trong những quốc gia có quyết tâm cao về đổi mới sáng tạo, Việt Nam đang ngày càng xây dựng và hoàn thiện thể chế thúc đẩy đổi mới sáng tạo hiệu quả.

## 1. Đổi mới sáng tạo và sự cần thiết của việc xây dựng và hoàn thiện thể chế thúc đẩy đổi mới sáng tạo

Theo học giả Joseph Schumpeter, đổi mới sáng tạo đề cập đến quá trình đưa ra các sáng tạo mới, sản phẩm mới, các phương pháp sản xuất mới, mở ra thị trường mới, phát triển các nguồn cung cấp nguyên vật liệu mới và tạo ra cấu trúc thị trường mới nhằm nâng cao chất lượng của sản xuất hàng hóa, dịch vụ<sup>1</sup>.

Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD): “Đổi mới sáng tạo là việc thực thi một sản phẩm (hàng hóa/dịch vụ) hoặc một quy trình mới hoặc được cải tiến đáng kể, một phương pháp marketing mới, hay một biện pháp mới...”<sup>2</sup>. Ở Việt Nam: “Đổi mới sáng tạo là việc tạo ra, ứng dụng các thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa”<sup>3</sup>.

<sup>(\*)</sup> TS., Viện Chính trị học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; Email: lethumaiips@gmail.com

<sup>1</sup> Hoàng Minh, “Kết quả chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam năm 2017: Ý nghĩa và các vấn đề đặt ra”, *JSTPM*, t. 6, số 2/2017, tr.2.

<sup>2</sup> Nguyễn Quỳnh Hoa, Ngô Quốc Dũng, “Sử dụng chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu trong đánh giá quá trình phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hiện đại”, Tạp chí *Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, số 10/2019, tr.7.

<sup>3</sup> Luật Khoa học và Công nghệ, Luật số 28/2018/QH14 ngày 15-6-2018.

Để thúc đẩy đổi mới sáng tạo đòi hỏi một hệ thống thể chế xã hội mới để phát triển, sử dụng công nghệ mới, cụ thể là việc đổi mới sáng tạo cần được thực hiện với tổng thể các biện pháp kinh tế, xã hội để có thể tham khảo, áp dụng, hợp tác và nâng cao chất lượng, lợi ích của các sản phẩm đổi mới sáng tạo; cũng như cần xây dựng một hệ thống hạ tầng kỹ thuật tốt, cơ sở về nhân lực, về thể chế vận hành các kết quả đổi mới sáng tạo.

Hiện nay, Việt Nam đang thúc đẩy mạnh mẽ việc xây dựng chính phủ điện tử, chính phủ số, cải cách mạnh mẽ nền hành chính theo hướng số hóa và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Chính phủ đặt mục tiêu đưa Việt Nam trở thành trung tâm phần mềm quốc tế, thúc đẩy tinh thần kinh doanh, phát triển các thành phố thông minh, tăng cường các cơ chế chính sách và đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp. Với quyết tâm chính trị, nên tảng thể chế và công nghệ ở mức khá tích cực, đây là cơ sở để Việt Nam tự tin về khả năng chuyển đổi thành công từ nền kinh tế truyền thống sang nền kinh tế số. Nghị quyết Đại hội XIII đã khẳng định rất rõ: “Phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh”, “Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”.

Xây dựng và hoàn thiện thể chế là một vấn đề quan trọng, cấp thiết, vừa phản ánh nhu cầu phát triển khách quan của đất nước, vừa phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Thể chế phát triển thể hiện sự vận hành đồng bộ của ba yếu tố: (i) Các chủ thể tham gia, (ii) Các quy tắc vận hành (iii) Cơ chế thực thi môi trường tương tác giữa các yếu tố đó. Đối với mỗi quốc gia, thể chế phát triển là sự tương tác tổng hợp của ba lĩnh vực cơ bản: chính trị, kinh tế, xã hội; là

sự gắn kết, tác động hài hòa của ba thể chế thành phần chủ yếu: thể chế chính trị, thể chế kinh tế và thể chế xã hội. Như vậy, đột phá về thể chế với việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện đại, hội nhập phải gắn với việc hoàn thiện tổ chức bộ máy nhà nước minh bạch, chuyên nghiệp dựa trên thực tài của cán bộ, công chức và luật lệ phù hợp, gắn với dân chủ và đổi mới sáng tạo.

Nghị quyết Đại hội XI, XII, XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đều xác định, xây dựng các thể chế phù hợp là một trong những tiên đề cho phát triển. Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã xác định mục tiêu, tầm nhìn đến năm 2045 đưa đất nước trở thành nước phát triển có thu nhập cao và đề ra định hướng phát triển dựa vào đổi mới, sáng tạo. Trong ba đột phá chiến lược, Nghị quyết Đại hội đã tiếp tục khẳng định vai trò, ý nghĩa của đột phá chiến lược về thể chế: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước”<sup>4</sup>. Thực tiễn đổi mới đất nước hơn 35 năm qua đã chứng minh vai trò, ý nghĩa to lớn của thể chế đối với sự phát triển và việc không ngừng hoàn thiện thể chế phát triển, nhất là thể chế chính trị - điều kiện sống còn cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Quá trình đó khẳng định sự đúng đắn về tầm nhìn và tư duy chiến lược của Đảng và Nhà nước ta trong xác định mục tiêu, chủ trương, định hướng và giải pháp cơ bản trong cải cách thể chế, tạo cơ sở pháp lý và động lực quan trọng cho đổi mới sáng tạo và phát triển đất nước. Từ đó, góp phần làm thay đổi tư duy và nhận thức của quản lý nhà nước cũng như thúc đẩy ứng dụng thành

<sup>4</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, Tập I.

tự công nghệ hiện đại vào nâng cao hiệu quả quản lý của nền hành chính nhà nước.

Đối với nhân tố trung tâm con người, mối quan hệ giữa thể chế và con người thúc đẩy đổi mới sáng tạo gắn với trình xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong bối cảnh mới như: (i) Cơ hội thay đổi nhận thức tư duy dưới tác động của khoa học công nghệ tới mọi mặt đời sống xã hội trong đó có hoạt động quản lý nhà nước; (ii) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hành chính công vụ nhờ có sự ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ mới.

Xây dựng và hoàn thiện thể chế thúc đẩy đổi mới sáng tạo góp phần mang đến một xã hội dân chủ và bình đẳng hơn, giúp đẩy nhanh xây dựng mô hình nhà nước kiến tạo phát triển và nền hành chính công hiệu quả, phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đã đạt được những thành tựu quan trọng, đánh dấu giai đoạn phát triển mới của sự nghiệp xây dựng nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, với ba phát triển chính về bộ máy nhà nước: *Quy chế hóa*, đây có thể coi là nội dung quan trọng của sự phát triển Nhà nước pháp quyền. Ngoài hệ thống pháp luật còn có rất nhiều mối quan hệ đã được quy chế hóa bằng các văn bản, đặc biệt là các quan hệ giữa Đảng và Nhà nước; *Chuyên môn hóa*, là quá trình phân cấp, phân quyền cho các địa phương và các tổ chức; *Khách quan hóa*, tính chất một nhà nước công nói chung, pháp luật cũng như mỗi chính sách nói riêng luôn đòi hỏi sự áp dụng đối với tất cả mọi đối tượng một cách khách quan, công bằng.

## 2. Một số thách thức đặt ra trong hoàn thiện thể chế thúc đẩy đổi mới sáng tạo

Việc đánh giá hiệu quả đổi mới sáng tạo được dựa trên các chỉ số đổi mới sáng

tạo (Global Innovation Index - GII). Các chỉ số này tập trung vào ba nhóm chỉ số, bao gồm: GII tổng thể, GII đầu vào và GII đầu ra của đổi mới, mà cụ thể là các yếu tố đầu vào về thể chế, nguồn nhân lực và hoạt động nghiên cứu, kết cấu hạ tầng, sự chuyên nghiệp của thị trường, mức độ hoàn thiện của doanh nghiệp và yếu tố đầu ra là kết quả của thành tựu đổi mới gồm kết quả nghiên cứu khoa học và thành quả sáng tạo tri thức cũng như công nghệ<sup>5</sup>.

Chỉ số đổi mới sáng tạo của Việt Nam năm 2019 được Trường Đại học Cornell, Trường Kinh doanh INSEAD và Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới xếp hạng thứ 42 trong tổng số 129 quốc gia được quan sát (năm 2018 Việt Nam được xếp thứ 45/126). Kết quả xếp hạng năm 2019 đưa Việt Nam đứng thứ ba trong ASEAN (sau Singapore và Malaysia), vươn lên đứng thứ nhất trong nhóm 26 quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp. So với năm 2018, hai chỉ số liên quan là khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo tăng mạnh, trong đó tổng chi cho nghiên cứu và phát triển tăng 5 bậc (đầu vào); sản phẩm dựa trên tri thức và công nghệ tăng 8 bậc (đầu ra).

Thực tế Việt Nam trong thời gian gần đây đã từng bước tiếp cận theo định hướng đổi mới sáng tạo. Theo báo cáo của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), trong ba năm liên tiếp (2019 - 2021), Việt Nam đã có nhiều tiến bộ vượt bậc về chỉ số đổi mới sáng tạo, là quốc gia đứng đầu nhóm 30 quốc gia có thu nhập trung bình thấp về đổi mới sáng tạo và giữ vị trí thứ 42/131 nền kinh tế được nghiên cứu, đánh giá về đổi mới sáng tạo năm 2020; vị trí thứ 44/132 nền kinh tế năm 2021, trong đó Việt Nam có vị trí cao hơn Ấn Độ (48) và Philippines (50). Theo số liệu thống kê năm 2020, chỉ số đầu vào đổi mới sáng tạo dựa theo năm chỉ số: về thể

<sup>5</sup> GII đầu vào của đổi mới được đánh giá dựa theo 5 chỉ số chính: 1- Thể chế (môi trường chính trị, pháp luật, kinh doanh); 2- Nguồn nhân lực và hoạt động nghiên cứu (giáo dục, giáo dục đại học, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ); 3- Kết cấu hạ tầng (công nghệ thông tin và truyền thông, hạ tầng chung, năng lượng sinh thái).

chế môi trường chính trị, pháp luật, kinh doanh, Việt Nam xếp thứ 83/131 quốc gia về đổi mới sáng tạo; về nguồn nhân lực và hoạt động nghiên cứu (giáo dục, giáo dục đại học, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ) xếp thứ 79; về kết cấu hạ tầng (công nghệ thông tin và truyền thông, hạ tầng chung, năng lượng sinh thái) xếp vị trí thứ 73; về sự chuyên nghiệp của thị trường (tín dụng, đầu tư, thương mại và cạnh tranh) có thứ hạng cao hơn, xếp thứ 34 và chỉ số mức độ hoàn thiện của các doanh nghiệp (nhân lực tri thức, liên kết đổi mới, khả năng hấp thụ kiến thức) ở vị trí thứ 39. Tổng thể đầu vào đổi mới sáng tạo là 62/131. Trong khi đó, chỉ số đầu ra là kết quả của các hoạt động đổi mới của Việt Nam được đánh giá khá cao với vị trí xếp hạng lần lượt là 37 về kết quả khoa học (tài sản vô hình, hàng hóa, dịch vụ sáng tạo, sáng tạo trực tuyến) và thứ 38 về thành quả sáng tạo tri thức, công nghệ (sáng tạo, tác động và phổ biến các tri thức). Nhìn chung, theo đánh giá của WIPO, Việt Nam có hai năm liên tiếp đứng vị trí thứ 42 (năm 2019, 2020) và thứ 44 trong năm 2021 về đổi mới sáng tạo. Việt Nam cùng với một số quốc gia khác, như Kê-ni-a, Ấn Độ, cũng được ghi nhận là quốc gia đạt được thành tựu sáng tạo trong 10 năm liên tiếp từ 2011 - 2020, nhất là những đổi mới sáng tạo trong nhóm chỉ số về thị trường và doanh nghiệp<sup>6</sup>. Đây là thành tựu tiến bộ, phản ánh tác động tích cực của thể chế từ kinh tế, chính trị tới các chủ thể trong quá trình đổi mới sáng tạo. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã nêu rõ: đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số. Trong đó “Hệ thống pháp luật phải thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới”.

Tuy nhiên, việc xây dựng thể chế để phục vụ cho quá trình đổi mới sáng tạo gặp nhiều thách thức to lớn về vai trò và chức năng của các nhà nước và chính phủ không chỉ đối với Việt Nam mà nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay:

(1) Thách thức trong việc đẩy nhanh tốc độ hoàn thiện thể chế để theo kịp tốc độ phát triển của công nghệ số. Những tiến bộ như vũ bão của khoa học công nghệ trong thời gian gần đây đã vượt qua những dự tính của các nhà lập pháp, đặt ra những thách thức về mặt pháp lý. Việc ứng dụng trí thông minh nhân tạo để ra quyết định thay thế cho con người, công nghệ chuỗi khối trong xác nhận hợp đồng, sự xuất hiện của tài sản số là những ví dụ điển hình. Đối với quản trị nhà nước, những áp lực và tốc độ thay đổi chóng mặt khiến nhà nước đứng trước nhiều thách thức với một mức độ lớn, việc quản lý dân cư, quản lý công dân trong bối cảnh công nghệ số. Công dân, cá nhân hoặc nhóm cộng đồng giờ đây sẽ ngày càng sử dụng công nghệ để tìm kiếm quyền tự chủ nhiều hơn, điều này sẽ thách thức quyền lực của các cơ quan quản lý nhà nước.

(2) Thách thức của việc xây dựng thể chế phục vụ đổi mới sáng tạo, đặc biệt công nghệ số còn là do những thay đổi trong mối quan hệ giữa các bên trong quá trình tham gia thị trường. Trong các mô hình kinh doanh mới, ranh giới giữa nhà cung cấp dịch vụ, nhà sản xuất và người tiêu dùng đã không còn rõ ràng. Điều này tạo ra những mối quan hệ phức tạp giữa các bên trong quá trình vận hành, tạo ra những khó khăn trong việc đáp ứng yêu cầu tính công bằng, lành mạnh của thị trường. Sự phát triển của công nghệ số còn làm xuất hiện những dạng tài sản mới như tiền điện tử, tiền kỹ thuật số, dữ liệu số. Đây là những nội dung mà pháp luật hiện hành chưa điều chỉnh đầy đủ và kịp thời.

<sup>6</sup> Xem: Soumitra Dutta - Bruno Lanvin - Sacha Wunsch-Vincent: “The Global Innovation Index 2020” (Tạm dịch: Chỉ số đổi mới toàn cầu năm 2020), WIPO, 2020, [https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo\\_pub\\_gii\\_2020.pdf](https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_pub_gii_2020.pdf)

(3) Trong chuyển đổi số, với các quan hệ giao dịch chủ yếu diễn ra trên môi trường số cũng đã tạo ra những thách thức rất lớn trong thực thi pháp luật. Việc bảo vệ dữ liệu cá nhân, quản lý dữ liệu xuyên biên giới, thực hiện nghĩa vụ thuế trong kinh tế số đang đặt ra yêu cầu phải có những thay đổi cơ bản trong việc tổ chức xây dựng và thực thi pháp luật, trong đó bao gồm cả việc nghiên cứu, thiết lập những chế định mới về quyền và nghĩa vụ của tổ chức và cá nhân.

(4) Thể chế bảo đảm sự minh bạch, thúc đẩy phối hợp vì sự phát triển chung của quốc gia cho bộ máy quản trị đất nước còn yếu. Do thể chế chưa rõ ràng về trách nhiệm, chưa minh bạch từ khâu hoạch định tới tổ chức thực hiện nên tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, tranh công, đổ lỗi giữa các cơ quan quản lý nhà nước, giữa các cấp quản lý nhà nước còn khá phổ biến, nhất là trong việc giải quyết những vấn đề tổng thể, phức tạp; thiếu phối hợp hoặc phối hợp nhưng chưa thường xuyên.

Những thách thức nói trên đòi hỏi phải có cách tiếp cận sáng tạo, khác biệt trong xây dựng và hoàn thiện thể chế. Thể chế phục vụ cho quá trình chuyển đổi số, một mặt vừa phải tạo điều kiện, khuyến khích, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, mặt khác phải tạo ra khuôn khổ pháp lý an toàn để loại trừ những tác động bất lợi cho xã hội, cơ quan quản lý và người tiêu dùng. Xây dựng và hoàn thiện, tạo đột phá về thể chế được hiểu ở nhiều góc độ, đó là cải cách, đột phá về tổ chức bộ máy, quản trị quốc gia, đột phá trong công tác lập pháp, giám sát tối cao và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước.

### **3. Một số giải pháp hoàn thiện thể chế thúc đẩy đổi mới sáng tạo ở Việt Nam hiện nay**

Xây dựng và hoàn thiện thể chế là yêu cầu có tính tất yếu, khách quan đối với sự thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển của một quốc gia. Nhiều nghiên cứu đã ghi

nhận mối quan hệ chặt chẽ giữa thể chế và phát triển đổi mới sáng tạo. Trên thế giới, chưa có quốc gia nào (ngoại trừ một vài quốc gia quá giàu tài nguyên thiên nhiên) có thể vươn lên vị trí quốc gia có thu nhập cao mà không có thể chế kinh tế và chính trị mạnh. Mặc dù các quốc gia khác nhau có cách thức tổ chức kinh tế và chính trị không giống nhau, nhưng các dữ liệu nghiên cứu cho thấy rằng có sự tương quan mật thiết giữa thứ hạng cao về chất lượng thể chế với sự thịnh vượng của một quốc gia.

Đối với Việt Nam, xây dựng và hoàn thiện thể chế luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm, chú trọng trong quá trình đổi mới đất nước. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội xác định “Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hoá bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm”. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 được Đại hội Đảng lần thứ XI thông qua chỉ rõ: “hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính” là một trong ba khâu đột phá. Việc cải cách, hoàn thiện thể chế luôn được xem là một trong những nội dung trọng yếu trong định hướng phát triển đất nước, thúc đẩy quá trình đổi mới sáng tạo. Trong ba đột phá chiến lược phát triển bền vững đất nước được xác định trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển tiếp tục được đặt ở vị trí đầu tiên.

Bên cạnh đó, đổi mới sáng tạo được xác định là nhiệm vụ đột phá chiến lược phát triển của nước ta trong giai đoạn sắp tới. Điều này được cụ thể hóa trong “Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030”, được Thủ tướng Chính phủ ban hành vào ngày 11-5-2022. Chiến lược đã cụ thể hóa tư tưởng chỉ đạo của Đảng về đổi mới sáng tạo, các nội dung được đề cập đến bám sát tiến trình đổi mới sáng tạo trong từng giai đoạn với những

đặc trưng riêng. Việt Nam đã xác định rõ các định hướng chung về đổi mới sáng tạo, các định hướng, biện pháp cụ thể thúc đẩy, phát triển đổi mới sáng tạo cho từng ngành, lĩnh vực, cũng như xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo theo các cấp độ khác nhau đã khẳng định sự phát triển mạnh mẽ trong tư duy đổi mới của Đảng ta trước những thay đổi của thời đại và điều này tạo cơ sở lý luận cho những chuyển đổi của nền kinh tế trên thực tiễn, mang đến động lực phát triển, hoàn thiện mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển tối đa năng lực của mỗi người và xây dựng và hoàn thiện thể chế phục vụ cho đổi mới sáng tạo thực chất là thay đổi về tư duy, nhận thức và hành động cần đáp ứng một số yêu cầu cơ bản sau đây:

*Thứ nhất*, chuyển đổi số là cuộc cách mạng có tính căn bản, không chỉ gói gọn trong phạm vi công nghệ, trong đó thể chế vừa nắm vai trò nuôi dưỡng sáng tạo công nghệ, vừa mở đường cho việc áp dụng những đổi mới trên thực tế. Trong thời gian tới, chúng ta cần tiếp tục xây dựng và triển khai kế hoạch cụ thể hoàn thiện thể chế để phục vụ cho việc chuyển đổi số quốc gia; không chỉ là pháp luật trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông mà kể cả đối với pháp luật về khoa học và công nghệ như sở hữu trí tuệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; pháp luật chuyên ngành với sự xuất hiện của các sản phẩm, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới; pháp luật về quản trị nhà nước; pháp luật về dân sự như quyền sở hữu, quyền con người; quyền, nghĩa vụ công dân.

*Thứ hai*, thực tế phát triển của công nghệ số trong thời gian vừa qua ở nhiều quốc gia trên thế giới đã cho thấy sự can thiệp quá mức của thể chế sẽ là một trong những rào cản đối với đổi mới sáng tạo. Trong những trường hợp cần thiết có thể tiến hành xây dựng và vận hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, tạo ra khung khổ pháp lý được giới hạn về không gian, thời

gian, lĩnh vực ứng dụng. Cơ chế này vừa khuyến khích tổ chức, cá nhân hiện thực các ý tưởng sáng tạo, thử nghiệm, cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho thị trường một cách hợp pháp, hạn chế rủi ro, đồng thời vừa giúp các cơ quan lập pháp nắm bắt thực tiễn để thiết kế khung pháp lý điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

*Thứ ba*, sự tác động toàn diện của công nghệ số cũng đòi hỏi phải có cách tiếp cận tổng thể hơn trong việc xây dựng thể chế. Nhiều vấn đề về công nghệ số không chỉ giới hạn trong phạm vi của một lĩnh vực. Điều này đòi hỏi các cơ quan nhà nước cần có sự phối hợp, tương tác chặt chẽ. Nhiều quốc gia trên thế giới đã thiết lập những cơ chế tương tác riêng của các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình hoạch định chính sách về chuyển đổi số. Bảo đảm tính đồng bộ, phù hợp giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị, thể chế xã hội, giữa nhà nước, thị trường và xã hội; sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển xã hội bền vững. Xây dựng thể chế phát triển nhanh - bền vững theo chiều sâu phải là một đột phá chiến lược của đất nước trong giai đoạn mới.

*Thứ tư*, để phù hợp với tính xuyên biên giới của những nền tảng công nghệ số, việc hoàn thiện thể chế phải đi liền với việc hoàn thiện các quy định pháp luật xử lý những vấn đề có tính quốc tế. Do đó, cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa các quốc gia trong quá trình xây dựng luật pháp, chú ý nội luật hóa các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

*Thứ năm*, xác định vấn đề trung tâm của xây dựng và hoàn thiện thể chế thúc đẩy đổi mới sáng tạo là tạo động lực phát triển trong mỗi con người, mỗi tổ chức, mỗi cộng đồng, kết nối thành động lực phát triển của cả dân tộc. Động lực đó phải được tạo lập đồng bộ cả về mặt lợi ích kinh tế, lợi ích chính

trị, lợi ích tinh thần - giá trị xã hội, giá trị dân chủ và pháp quyền, giá trị đạo đức của tất cả các chủ thể trong xã hội, tạo động lực tổng hợp cho sự phát triển. Trong đó, trọng tâm là phát triển đội ngũ cán bộ, công chức của hệ thống chính trị Việt Nam thích ứng với khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trình độ và năng lực sáng tạo cao. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đổi mới sáng tạo trong tương lai thông qua tăng cường đào tạo kiến thức về khoa học, công nghệ, nâng cao năng lực tin học, ngoại ngữ, đầu tư xây dựng đội ngũ nhà khoa học thích nghi ứng dụng khoa học, công nghệ trình độ cao, từng bước nâng cao tiêu chuẩn nhà khoa học tiệm cận với tiêu chuẩn ở các nước phát triển. Đồng thời, có chính sách đãi ngộ thoả đáng, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài Việt Nam dù ở bất cứ nơi đâu, trong nước hay ngoài nước, vì sự phát triển phồn vinh của đất nước và dân tộc.

*Thứ sáu*, nâng cao năng lực và ý thức trách nhiệm của tất cả các chủ thể đối với việc xây dựng và thực hiện thể chế phát triển trong giai đoạn mới thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Theo đó, phải chế định các cơ chế và thiết chế thực thi thể chế nghiêm minh, đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong Đảng và xã hội; thực hiện triệt để các nguyên tắc, quy định về dân chủ, công khai, minh bạch trong Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước, thực sự “nói đi đôi với làm”, “thượng tôn pháp luật”. Nâng cao năng lực thực thi thể chế của tất cả các chủ thể để bảo đảm thể chế được thực thi hiệu lực, hiệu quả.

### Kết luận

Xây dựng môi trường thể chế tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo; trước hết là hệ

thống chính sách, pháp luật đầy đủ, đồng bộ, minh bạch và có tính ưu đãi đủ lớn, hỗ trợ vượt qua rủi ro đối với các doanh nghiệp. Trong đó, Đổi mới sáng tạo không phải là một khẩu hiệu, càng không thể làm theo phong trào mà đòi hỏi đổi mới tư duy đi kèm với quyết tâm thay đổi hành động và cách làm để mang lại những kết quả mới. Bên cạnh đó, nâng cao năng lực quản lý của Nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoàn thiện hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, nâng cao năng lực hấp thụ tiến bộ khoa học và công nghệ; đề khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự trở thành động lực phát triển của Việt Nam trong thời gian tới.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Quyết định số 569/QĐ-TTg, ngày 11-5-2022, của Thủ tướng Chính phủ “Ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030”.
3. Soumitra Dutta - Bruno Lanvin - Sacha Wunsch-Vincent: “The Global Innovation Index 2020” (Tạm dịch: Chỉ số đổi mới toàn cầu năm 2020), WIPO, 2020, [https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo\\_publication\\_2020.pdf](https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_publication_2020.pdf)
4. WIPO: GII 2022 at a glance The Global Innovation Index 2022 captures the innovation system performance of 132 economies and tracks the most recent global innovations trends.
5. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu là một bộ công cụ đánh giá xếp hạng năng lực của các hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia do Trường Kinh doanh INSEAD (Pháp) xây dựng; sau đó, được Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) và Đại học Cornell (Mỹ) phát triển, hoàn thiện vào năm 2007.